TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 343/2025/DS-ST
Ngày: 26-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chí

2. Ông Trần Thạnh Hưng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền, thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1142/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1136/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP SGTT; Địa chỉ trụ sở: Số A, đường NKKN, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Trần Đức T, sinh năm 1984. (Văn bản ủy quyền: 17/7/2024) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị MT, sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: Số A, đường số H, phường AN, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP SGTT (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ông Trần Đức T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 23/4/2020, bà Nguyễn Thị MT có ký với Ngân hàng TMCP SGTT hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ bà T đã giao dịch với tổng số tiền là 30.630.000 đồng. Bà T đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền là 20.803.000 đồng, sau đó bà T không thanh toán đầy đủ tiền nợ cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 23/4/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 26/8/2025, bà T còn nợ số tiền là: Nợ gốc: 11.326.070 đồng; nợ lãi quá hạn: 23.366.988 đồng; Tổng cộng là: 34.693.058 (Ba mươi tư triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn không trăm năm mươi tám) đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị MT trả một lần toàn bộ số nợ trên và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 27/8/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Ngoài ra Ngân hàng không còn ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị MT mặc dù được được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, triệu tập đến Tòa để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà T không đến Tòa, không cung cấp chứng cứ và không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà T đã được Tòa án triệu tập lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ; thực

hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng TMCP SGTT và bà Nguyễn Thị MT có ký với nhau hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện. Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại phường AN (Phường S, quận G cũ), Tp. Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Tp. Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng:

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tuy nhiên bị đơn - bà Nguyễn Thị MT vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà T.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, nên được Tòa án chấp nhận xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT ngày 23/4/2020) được ký giữa bà Nguyễn Thị MT với Ngân hàng TMCP SGTT cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp

với các quy định của pháp luật tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ hợp đồng tín dụng và các bản sao kê mà nguyên đơn cung cấp thể hiện bị đơn - bà T có thực hiện giao dịch với Ngân hàng. Tính đến ngày 26/8/2025 tổng số tiền bà T còn nợ của thẻ tín dụng cụ thể như sau: Nợ gốc: 11.326.070 đồng; nợ lãi quá hạn: 23.366.988 đồng. Tổng cộng: 34.693.058 đồng. Do bà T không thanh toán đúng hạn số tiền qua các lần giao dịch nên phát sinh lãi suất, các loại phí theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở để thanh toán số tiền còn nợ nhưng bà T vẫn không thực hiện. Như vậy, bà T đã vi phạm về thời hạn thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên Ngân hàng yêu cầu bà T trả số tiền còn nợ là có căn cứ.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này*", theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận.

Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất và phí của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/4/2020 phù hợp với quy định của pháp luật. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định trong hợp đồng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc bà T phải thanh toán một lần cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 26/8/2025 là 34.693.058 đồng (trong đó nợ gốc là 11.326.070 đồng; nợ lãi quá hạn: 23.366.988 đồng); kể từ ngày 27/8/2025, bà Nguyễn Thị MT tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí

là 1.734.652 (Một triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn sáu trăm năm mươi hai) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sử đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT

Buộc bà Nguyễn Thị MT phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền tạm tính đến ngày 26/8/2025 là 34.693.058 (Ba mươi tư triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn không trăm năm mươi tám) đồng (trong đó nợ gốc là 11.326.070 đồng; nợ lãi quá hạn: 23.366.988 đồng)

Kể từ 27/8/2025 bà Nguyễn Thị MT tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị MT phải chịu số tiền án phí là 1.734.652 (Một triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn sáu trăm năm mươi hai) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền tạm ứng án phí đã nộp 714.563 (Bảy trăm mười bốn nghìn năm trăm sáu mươi ba) đồng theo biên lai thu số 0014827 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP SGTT và bà Nguyễn Thị MT có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND KV7, Tp. HCM;
- THADS Tp. HCM;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Kiều Oanh